

Phi Long Tại Thiên

Lê Huy Trứ



Phi long tại thiên (飛龍在天, có nghĩa là rồng bay lên trời.)
Hào Cửu ngũ của quẻ Kiền. Khí dương đã phát huy rực rỡ, hoặc
con người đã khai mở được bản tâm để phát huy diệu dụng.

*Sư lên chót đỉnh rùng thiên,
Trong tim chột thấp một rùng tà dương.*

(Phạm Thiên Thư)

*

Tôi xin đổi lại 2 câu thơ trên,

Ta trên Vô Thượng Niết Bàn,
Tâm ta rọi sáng Ta Bà Vô Minh.

(Lê Huy Trứ)

Tôi nhấn mạnh: Khoa học không chứng minh được Phật Giáo. Trái lại, Phật Giáo chứng tỏ khoa học. Phật Giáo không vì kiến thức văn minh rực rỡ của khoa học mà bắt quàng làm sang.

Ngược lại, khoa học chưa hoàn toàn nhận thấy được hào quang thâm diệu của Phật Pháp để dựa vào cái trí tuệ anh minh, viên diệu quảng đại, cùng vô biên vô lượng đó của Phật Giáo mà giải thoát được cố chấp nhị nguyên.

Khoa học chưa biết dùng trí tuệ Bát Nhã bảm sinh để giải thoát khỏi suy luận vô minh, và để đạt ‘giác ngộ khoa học.’

Nhà bác học Einstein đã nói: Khoa học thiếu tôn giáo (trí tuệ) thì khập khểnh, tôn giáo thiếu khoa học thì mù quáng.

Einstein said, “*Science without religion is lame, religion without science is blind.*”

Hầu hết, những tôn giáo độc thần trên thế giới đều chống lại khoa học. Họ sợ nhất trí tuệ Bi-trí-dũng của Đức Phật, kể cả trí tuệ nhân tạo (AI.)

Nên hiểu rằng – đạo đức, và luân lý không cần đến tôn giáo mà vẫn có. Cũng như chân lý (sự thật, truth,) tự nó có tính cách thuyết phục, không cần tới mặc khải. Lương tri không cần học mà biết, trí tuệ không cần tìm mà có.

Đạo đức, luân lý, thiện ác, xấu tốt, đúng sai là luật của con người đặt ra để duy trì trật tự xã hội của nhân loại. Chứ không phải là luật tự nhiên (như thị,) tuần tự nhi tiền, của vũ trụ. Vũ trụ không cần biết, và không cần thiết những thứ nhân tạo vô nghĩa lý này.

Sự thật phũ phàng, trái đất không cần biết cái đau khổ, giác ngộ, giải thoát, thành Phật hay thành yêu quái của chúng sinh.

Lẫn cái văn minh khoa học đầy vô minh của cái đám bụi ‘vì trần người,’ ký sinh vì trùng ăn bám, trên quả đất này là cái quái gì?

Mẹ thiên nhiên (mother nature) không biết thương ghét, sân hận, thưởng thiện phạt ác. Khi nổi cơn giông bão hay thiên tai để tận diệt khủng long mấy chục triệu năm về trước. Hay quét sạch chúng sinh trong một ngày gần đây. Đó là luật vô thường (impermanence,) luôn thay đổi, không có gì là trường cửu của vũ trụ.

Tương tự, vũ trụ cũng không thêm biết quả địa cầu lẫn thái dương hệ như những hạt bụi trong vũ trụ hiện hữu hay không hiện hữu. Có hay không có Thái Dương Hệ thì vũ trụ cũng không thêm không bớt, không vui không đau. Đây cũng là luật như thị của vũ trụ.

Đối với bản tánh duy ngã độc tôn, tự kiêu tự đại của con người, thì chúng ta hiện hữu trên thế gian này như là một đại sự nhân duyên. Như một phép lạ đầy nhiệm mầu, và nhất là chúng ta khác với chúng sinh, và các sinh vật khác. Bởi vì,

chúng ta thông minh, từ bi, nhân đạo nhất thế giới lẫn trong cõi Ta Bà. Chỉ có chúng ta mới có trí tuệ để giác ngộ thành Phật.

Hay, chúng ta là con của thượng đế, với cái bản lai diện mục tham sân si nhất vũ trụ lẫn vô minh y như ngài?

Tôi hy vọng tất cả chúng ta không nên ‘hiểu nhầm’ như vậy, vì sự thật có thể trái ngược và rất ư phũ phàng?

Đây là những vấn nạn, nan giải, không bao giờ giải thích, và giải quyết được. Bởi vì, thói chấp ngã và tập tục vô minh của con người đưa đến bất mãn, khổ đau? Nó không giải quyết được gì cho nhu cầu khẩn thiết, thực tế nhất của con người. Đó là triệu chứng của bệnh khổ đau, phát xuất từ căn bệnh tham sân si, ích kỷ, và đầy cố chấp của con người.

Có thể vì vậy mà Đức Thế Tôn chưa vội giảng dạy nhiều về vũ trụ quan. Ngài chỉ khuyến khích nhân sinh phát triển trí tuệ bẩm sinh, để vén màn vô minh, giải thoát đau khổ, với tinh thần bi trí dũng.

Dĩ nhiên, khi khai triển được trí tuệ, đạt được giác ngộ rồi thì cái câu “Độ nhất thiết khổ ách!” Chêm thêm sau này vào tâm kinh của Ngài Đường Huyền Trang, không cần thiết để nhắc tới. Bởi vì, nhất thiết khổ ách tự động giải thoát, nhưng thật ra, có khổ đau mà độ, và giải thoát khỏi cái vô ngã?

Không có ngã ở kiếp trước, không có ngã ở kiếp này, không có ngã ở kiếp sau. Ngã không ở đây, ngay chặng giữa này,

không ở quá khứ vị lai, để vấp ngã vào biển khổ đau.

Đơn giản, không có người độ lẫn kẻ độ mà độ cái gì?

Độ cái Không, hay độ cái Có?

Tuy nhiên, như đa số quan niệm, tôi không biết những kiếp vô thường trước tôi khổ như thế nào, nhưng cho là có khổ vì nhìn cái khổ trong hiện tại của mình. Tôi cũng suy ra, tôi sẽ đau khổ trong những kiếp tới, vì dựa theo kinh nghiệm của kiếp tạm bợ vô thường này.

Nhưng tôi là ai? Ai khổ? Và, nếu cái đau khổ đó là vô thường. Vậy thì cái vô thường đó có thường đau khổ không?

“Ta là ai? Ta từ đâu tới? Hư huyền nào bỗng vọng động thành ta? Để vật vã từng sát na sinh diệt. Nói tiếp nhau trong mọi kiếp luân hồi. Trôi về đâu trong biển khổ đơn côi. Khỏi đối mặt với cái tôi nghiệp chướng. Trong giấc mộng trường: Sinh tử tử sinh. Mòn mỗi hành hương qua vô lượng kiếp người.” (Một người bạn tặng Thanh Hà, và Thanh Hà [Tuệ bi chùa quán sứ, www.chuaquansu.net] chia sẻ cùng tác giả.)

Như đã đề cập ở trên, Đức Thế Tôn không sáng tạo ra luật nhân quả (cause and effect,) lý nhân duyên (law of attraction, law of vibration,) luật nhân quả (sinh trụ hoại diệt, law of conservation,) ngay cả lập ra Phật Giáo ngày nay.

Những luật trên, khoa học chỉ mới khám phá ra trong vòng 150 năm. Tất cả những kiến thức này chỉ là đạo như nhị tri kiến (as is) của vũ trụ, mà Đức Phật đã kinh qua (kinh nghiệm

và trải qua,) giác ngộ được và đã chỉ dạy cho chúng sinh 2600 năm về trước. Qua trí tuệ siêu phàm của một đấng đại giác ngộ, một khoa học gia đại thông thái. Một sư vương vĩ đại nhất của nhân loại đã từng đặt gót chân trên trái đất.

Trong vũ trụ học, luật vô sanh vô diệt ghi nhận rằng tổng số sắc-không trong vũ trụ không tăng không giảm, không tĩnh không động. Nó được bảo tồn trong A lại da thức. Sắc-không có thể không sinh lẫn không diệt mà chỉ luân hồi qua một sắc-không khác.

“In physics, the law of conservation of energy states that the total energy of an isolated system remains constant—it is said to be conserved over time. Energy can neither be created nor destroyed; rather, it transforms from one form to another.”

Điều này chứng tỏ giữa Phật Giáo và khoa học đã có những tương quan nội tại, đầy mật thiết và rất tự nhiên.

Trong quyển “Phật Giáo dưới mắt các nhà trí thức” (Buddhism in the Eyes of Intellectuals) của Tiến-sĩ Sri Dhammanand, trang 115, đã trích lời của Ngài Edwin Arnol, *“Tôi đã thường nói, và tôi sẽ nói mãi nói mãi rằng giữa Phật-giáo và khoa học hiện đại có quan hệ tinh thần khấn khít”* (Sir Edwin Arnol said: I often said, and I shall say again and again, that between Buddhism and modern science there exists a close intellectual bond.)

Albert Einstein đã kiến tánh và khẳng định Đạo Phật là đạo tương lai của nhân loại vì nó là tôn giáo duy nhất trên thế giới

đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của khoa học nhân văn.

Cũng trong trang 115, Sri Dhammanand trích từ Albert Einstein: *“Nếu có một tôn-giáo nào đáp ứng những nhu cầu của khoa học hiện đại, thì tôn-giáo đó phải là Phật-giáo.” (If there is any religion cope with modern scientific needs it would be Buddhism.)*

Trong trang 54 Dhammanand ghi, Einstein đã viết: *“Tôn-giáo tương lai sẽ là tôn-giáo vũ-trụ, Tôn-giáo này siêu việt trên một đấng Thiêng liêng nào đó và tránh hết mọi giáo điều và thần học, bao trùm cả thiên nhiên lẫn tinh thần tôn-giáo. Tôn-giáo này phải căn cứ vào ý niệm đang phát sinh từ những thực nghiệm của mọi vật, thiên nhiên và tinh thần như một sự thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Đạo Phật đáp ứng được điều đó.”*

Dù rằng danh ngôn trên dưới đây được đa số tin rằng ý của Einstein, nhưng có thể ‘tam thể oan cho ông ta,’ vì hình như ông ta chưa bao giờ viết ra như vậy?

Tôi thử Phật Giáo hóa, ‘lìa ý đa tự phỏng dịch’ để thử xem có đồng ông ta thuyết không?

“Tôn giáo của vị lai sẽ là một tôn giáo vũ trụ. Nó nên cao thượng hơn độc thần (God) và nên tránh những giáo điều và thần học. Gồm cả nguyên thủy và tâm linh, tôn giáo đó nên được đặt trên nền tảng của trí tuệ, giác ngộ từ kinh nghiệm tu chứng, như thị tri kiến và như nhi sinh kỳ tâm, như nhất như. Nếu có một tôn giáo thích hợp với nhu cầu của khoa học hiện đại với một bản lại diện mục đúng như vậy, đó chính là

Phật Giáo.”

“Although the statement is widely attributed to him, Albert Einstein never said,” The religion of the future will be a cosmic religion. It should transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense arising from the experience of all things, natural and spiritual as a meaningful unity. If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism.” Einstein appears to have occasionally made passing references to the Buddha in conversation. Yet something compelled someone to concoct this statement and attribute it to Einstein, the Buddha of the Modern Age. And since the time when Einstein didn’t say this, intimations of deep connections between Buddhism and science have continued, right up until today.”

(Donald S. Lopez Jr. distills six items of interest from from his book Buddhism and Science: A Guide for the Perplexed)

Như đã đề cập ở trên, Einstein có thể đã không nói từng chữ chính xác như vậy. Tuy nhiên, ông ta đã có những ý tưởng tương tự như vậy. Trong khi, ông ta thảo luận và so sánh về Phật Giáo và khoa học. Những quan niệm trí tuệ này của ông đã được ghi chép, và đã được dư luận thuật lại về Einstein và Phật Giáo, Dù rằng, ông ta chưa bao giờ là Phật Tử.

Trong quyển, “Nền Tảng của Đạo Phật” (Fundamentals of Buddhism), của Tiến-sĩ Peter D Santina ghi: “Nhà Bác-học Albert Einstein trong bài tự thuật rằng, ông là người không tôn-giáo, nhưng nếu ông là người có tôn-giáo thì ông phải là

một Phật tử.”

(Albert Einstein remarked that he was not a religious man, but if he were one, he would be a Buddhist.)

Theo tôi hiểu thì ý ông ta như thế này: Tôi không phải là kẻ sùng tôn giáo. Nhưng nếu tôi chọn tôn giáo, thì tôi sẽ chọn đạo giác ngộ.

Đạo giác ngộ là bản lai, ai ai cũng đã tự có chỉ chờ nhi sinh diện mục, không nhất thiết phải là Phật Tử.

Albert Einstein, người Đức gốc Do Thái, rồi trở thành người Mỹ, sinh tại Đức, gốc Do Thái. Nhưng ông ta không nghiêm chỉnh thực tập đạo Do Thái. Ông ta không phải là ‘Do Thái Kiêu,’ không là Đức Kiêu, mà là công dân Đức, sinh ra ở Đức. Sau này, Einstein trở thành dân Mỹ. Rồi, ông ta tự động là công dân Thụy Sĩ, được tôn vinh là Nobel Laureate, sau khi đoạt giải Nobel.

Einstein chưa bao giờ sống ở Israel (nước Do Thái, và chưa bao giờ mang quốc tịch Israel.) Ông đã từ chối lời mời của chính phủ Israel về làm Tổng Thống đầu tiên của nước Do Thái tân lập ở Trung Đông.

Vậy thì bản lai diện mục của Albert Einstein là gì?

“Phật Kiêu?”

Tóm lại, Trí Tuệ Phật bao trùm vũ trụ. Trong khi đó, khoa học nhân văn cũng như bản chất thông minh, và tập quán trí thức của chúng sinh trên trái đất này, được ví như là Phi Long Tại Thiên. Tuy nhiên, nó cũng chỉ như là một phần tử của tỷ tỷ nguyên tố vi trần không đáng kể trong vũ trụ.